

Số: 574/BC-CCTTBVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Tình hình thời tiết

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 5 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2024: Nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn từ 1,0°C - 2,0°C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ. Tổng lượng mưa xấp xỉ đến cao hơn từ 30 - 60% so với TBNN cùng thời kỳ.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 30 tháng 6 năm 2024: Xu thế nhiệt độ trung bình phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 0,5°C - 1°C. Nhiệt độ trung bình từ 28,0°C - 29,0°C. Tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 90 - 160 mm.

2. Tiến độ sản xuất cây trồng

a) Cây lúa Vụ Hè thu 2024

| STT | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo trồng (ha) | Ghi chú |
|-----|-----------------------|---------------------------|---------|
| 1 | Mạ | 831,0 | |
| 2 | Đẻ nhánh | 2.188,0 | |
| 3 | Làm đồng | 902,0 | |
| 4 | Trổ | 125,0 | |
| 5 | Chín | - | |
| 6 | Thu hoạch | - | |
| | Tổng | 4.021,0 | |

b) Cây trồng khác

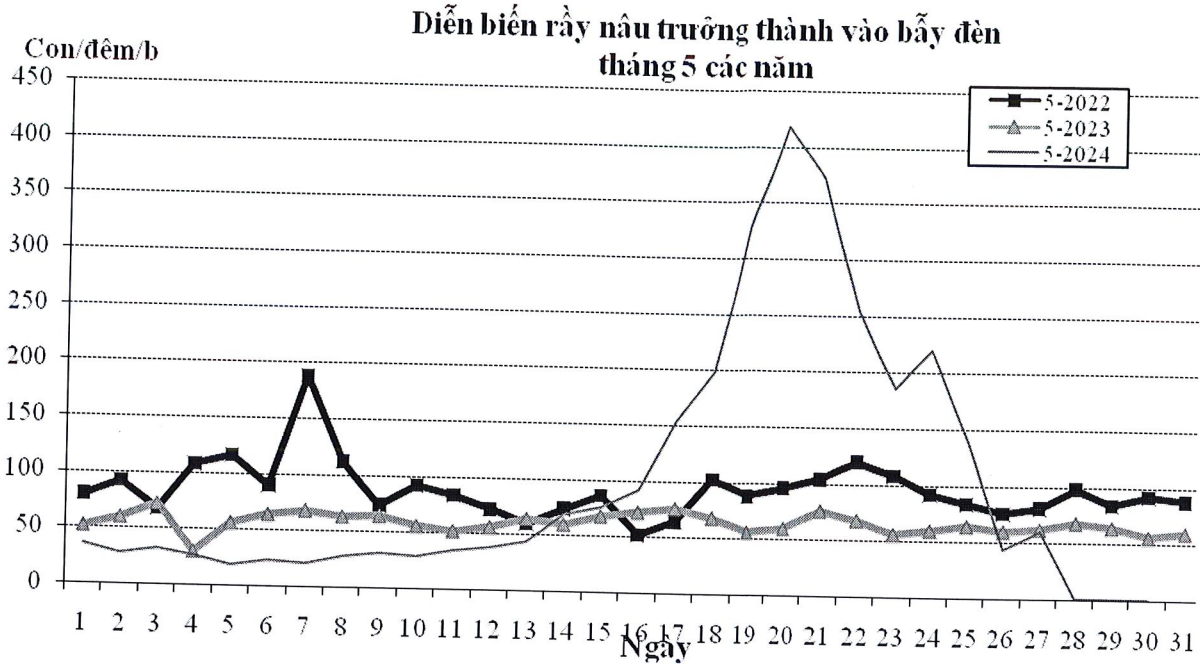
| Nhóm/loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | DTGT (ha) | Nhóm/loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | DTGT (ha) |
|----------------------------------|-----------------------|----------------|---------------------------|-----------------------|----------------|
| 1. Cây rau vụ Hè thu 2024 | | 3.118,8 | 2. Hoa, cây kiểng | Nhiều giai đoạn | 2.068 |
| - RALNN | Nhiều giai đoạn | 710,3 | Hoa lan | Nhiều giai đoạn | 305 |
| - RALDN | - | - | Hoa mai | Nhiều giai đoạn | 810 |
| - RCQNN | Nhiều giai đoạn | 257,8 | 3. Cây lương thực | | - |
| - RCQDN | Nhiều giai đoạn | 192,0 | Bắp | - | - |
| - Rau gia vị | Nhiều giai đoạn | 92,9 | Khoai mì | - | - |
| - Rau thủy sinh | Nhiều giai đoạn | 135,8 | 4. Cây công nghiệp | Nhiều giai đoạn | 1.319,5 |
| - RMN | Nhiều giai đoạn | 829,9 | | | |

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 05/2024

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

1.1 Cây lúa vụ Hè thu năm 2024

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----|-------------|--|-----|--------|-----------------------------|----------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Sâu cuốn lá | 10-25 | | | T1-5 | HM,CC,BT |
| 2 | Bọ xít hôi | 3-6 | | | T1-3 | CC |
| 3 | Bọ trĩ | 3-6 | | | T1-3 | CC,HM,BT |
| 4 | Sâu phao | 1-5 | | | 1-5 | CC,HM |
| 5 | OBV | 2-4 | | | Các giai đoạn | CC,HM,BT |
| 6 | Chuột | 3-5 | | | Các giai đoạn | CC |
| 7 | Đạo ôn | 5-10% | | | C1-C3 | HM,CC |
| 8 | Đốm vằn | 10-15% | | | C1-C3 | CC |

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, HM: Hóc Môn, BC: Bình Chánh, BT: Bình Tân

1.2 Cây rau

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----|----------|--|-----|--------|-----------------------------|--------------------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Bọ nhảy | 10-20 | | | 1-5 | HM,Q12,CC,BC,BT,TĐ |
| 2 | Sâu xanh | 5-10 | | | 1-5 | HM,Q12,CC,BC,BT,TĐ |

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----|-----------------------------|---|-----|--------|-----------------------------------|--------------------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 3 | Sâu tơ | 10-25 | | | 1-5 | TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT |
| 4 | Dòi đục lá | 15-30% | | | 1-5 | HM,CC,TĐ,Q12 |
| 5 | Sâu đục trái | 5-10% | | | 1-5 | BC,CC |
| 6 | Sâu ăn tạp | 3-10 | | | 1-5 | TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT |
| 7 | Bọ trĩ | 15-30% | | | 1-5 | BC,Q12,CC |
| 8 | Rầy mềm | 15-30% | | | 1-5 | BC,BT,CC |
| 9 | Rầy xanh | 3-7 | | | 1-5 | HM,BC,CC,TĐ,Q12 |
| 10 | Rầy xám | 100->500 | | | 1-5 | TĐ,HM,Q12 |
| 11 | Sâu đục đọt | 5-10 | | | 1-5 | BC,CC |
| 12 | Bọ xít đen | 5-10 | | | 1-5 | TĐ |
| 13 | Ruồi đục trái | 5-10% | | | 1-5 | BC,CC |
| 14 | OBV | 3-30 | | | Các giai đoạn | TĐ,HM,Q12 |
| 15 | Ốc sên | 3-6 | | | Các giai đoạn | Q12,BC,HM,TĐ |
| 16 | Tnhũn/r.cải | 5-10% | | | 1-3 | HM,Q12,BC,TĐ |
| 17 | Rỉ trắng/RM | 2-5% | | | 1-3 | TĐ,HM,Q12,BC,BT,CC |
| 18 | Đốm lá | 5-10% | | | 1-3 | HM,Q12,BC,TĐ |
| 19 | Ph.vàng/dừa leo, khô qua | 2-10 | | | 1-3 | HM,TĐ |
| 20 | Vàng lá | 10-20 | | | 1-3 | TĐ,HM,CC,Q12 |

2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

2.1 Cây lúa vụ Hè thu năm 2024

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 979,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (978,3 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm bọ trĩ, sâu phao, sâu cuốn lá, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ. Trong đó:

+ Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 102,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (111,3 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Sâu phao: Diện tích nhiễm 77,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (114,7 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 33,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (33,7 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 399,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (507,0 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi.

+ Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 51,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,6 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

+ Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 41,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (46,0 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 3.918,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (3.609,7 ha). Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi và Hóc Môn. Các sinh vật gây hại chủ yếu gồm bọ trĩ, sâu phao, sâu cuốn lá, ốc brou vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đốm lá. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

2.2 Cây rau

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 532,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (626,4 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 767,5 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 137,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (115,5 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

+ Sâu xanh: Diện tích nhiễm 84,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (66,5 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, thành phố Thủ Đức.

+ Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 38,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (21,7 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, thành phố Thủ Đức.

+ Rầy xám: Diện tích nhiễm 28,2 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (24,5 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

+ Ốc brou vàng: Diện tích nhiễm 80,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (208,6 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12 và thành phố Thủ Đức.

+ Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 18,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (33,8 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Bình Chánh, Hóc Môn.

+ Bệnh vàng lá: Diện tích nhiễm 30,0 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (7,8 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn, thành phố Thủ Đức.

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 2.849,9 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (3.437,9 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 6.350,6 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, dòi đục lá, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, vàng lá và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

2.3 Cây hoa kiểng

- Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 30,6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (28,0 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 29,5 lượt ha chiếm 96,3% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

+ Cây hoa lan: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,9 ha).

+ Cây hoa mai: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 15,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (14,5 ha).

+ Cây hoa khác: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, tương đương so với cùng kỳ năm trước (0,7 ha).

- Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây hoa kiểng là 182,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (194,6 ha), diện tích phòng trừ từ đầu năm đến nay là 175,5 lượt ha.

2.4 Cây trồng khác

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau.

- Thời tiết hiện nay có mưa rải rác vào chiều tối và đêm, ban ngày trời nắng nóng là điều kiện thuận lợi cho nấm gây bệnh phát triển gây hại. Chú ý bệnh đạo ôn lá, bệnh đốm vằn gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng.

- Ốc bươu vàng: gây hại trên lúa Hè Thu 2024 mới xuống giống <15 ngày sau sạ. Áp dụng các biện pháp như cắm cọc gỗ, cành cây, thả rau xuống ruộng nước đầu ruộng, ... để dẫn dụ ốc tập trung đến ăn và dễ trúng nhằm dễ dàng thu gom, tiêu hủy.

- Chuột gây hại trên lúa ở các ruộng mới xuống giống sạ khô và ở giai đoạn đòng trổ. Khuyến cáo nông dân áp dụng các biện pháp diệt chuột đồng loạt mang tính cộng đồng trên diện rộng, áp dụng biện pháp bẫy cây trồng ở những vùng đang chuẩn bị sạ để diệt chuột đạt hiệu quả cao

- Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của sâu hại trên đồng, cần lưu ý đến sâu phao, bọ trĩ ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây hoa kiểng

- Cây hoa lan: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- Cây hoa mai: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

d) Các loại cây trồng khác

- Cây dứa: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Hè thu năm 2024.
- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.
- Thực hiện tốt công văn 2033/BVTV-TV ngày 9 tháng 8 năm 2023 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa của Cục Bảo vệ thực vật.
- Thực hiện Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt; Công văn số 3005/UBND-KT ngày 29/5/2024 về việc thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt trên địa bàn Thành phố.
- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại. /.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCVN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp. Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lục

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: **57/HBC-CCTTBVT**, ngày **10** tháng **6** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiệm (ha) | | | Tổng DTN (ha) | So sánh DTN (+/-) | | DT phòng trừ (ha) | Phân bố |
|-----|-------------|----------------------|------|-----|---------------|-------------------|--------------|-------------------|----------|
| | | Nhẹ-Tb | Nặng | MT | | Kỳ trước | CKNT | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Sâu cuốn lá | 33,3 | | | 33,3 | - | 33,7 | | HM,CC,BT |
| 2 | Bọ xít hôi | 10,0 | | | 10,0 | - | - | | CC |
| 3 | Bọ trĩ | 102,5 | | | 102,5 | 100,5 | 111,3 | | CC,HM,BT |
| 4 | Sâu phao | 77,1 | | | 77,1 | - | 114,7 | | CC,HM |
| 5 | Đạo ôn | 51,9 | | | 51,9 | - | 56,6 | | HM,CC |
| 6 | Đốm vằn | 41,0 | | | 41,0 | - | 46,0 | | CC |
| 7 | OBV | 581,0 | | | 581,0 | 182,0 | 507,0 | | CC,HM,BT |
| 8 | Chuồn | 83,0 | | | 83,0 | 78,0 | 109,0 | | CC |
| | Tổng | 979,8 | | | 979,8 | 360,5 | 978,3 | | |

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **57h** /BC-CCTTBVTV, ngày **10** tháng **6** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiệm (ha) | | | Tổng DTN (ha) | Số sánh DTN (+/-) | | DT phòng trừ (ha) | Phân bố |
|-----|----------------------------|----------------------|------|-----|---------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------------|
| | | Nhệ-Tb | Nặng | MT | | Kỳ trước | CKNT | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Bộ nháy | 38,3 | | | 38,3 | 25,9 | 21,7 | 55,64 | HM,Q12,CC,BC,BT,TD |
| 2 | Sâu xanh | 84,6 | | | 84,6 | 34,4 | 66,5 | 120,7 | HM,Q12,CC,BC,BT,TD |
| 3 | Sâu tơ | 22,9 | | | 22,9 | 17,2 | 12,8 | 32,24 | TD,HM,Q12,CC,BC,BT |
| 4 | Dòi đục lá | 16,7 | | | 16,7 | 0,3 | 30,4 | 25,8 | HM,CC,TD,Q12 |
| 5 | Sâu đục trái | 3,6 | | | 3,6 | 1,8 | 5,3 | 7,2 | BC,CC |
| 6 | Sâu ăn tạp | 137,5 | | | 137,5 | 83,4 | 115,5 | 222,7 | TD,HM,Q12,CC,BC,BT |
| 7 | Bộ trĩ | 20,7 | | | 20,7 | 0,7 | 25,8 | 29,8 | BC,Q12,CC |
| 8 | Rầy mềm | 2,1 | | | 2,1 | 1,2 | 11,2 | 4 | BC,BT,CC |
| 9 | Rầy xanh | 13,9 | | | 13,9 | 0,9 | 17,9 | 22,24 | HM,BC,CC,TD,Q12 |
| 10 | Rầy xám | 28,2 | | | 28,2 | 21,1 | 24,5 | 38,5 | TD,HM,Q12 |
| 11 | Bộ phấn | | | | | - | 11,0 | | - |
| 12 | Sâu đục đọt | 1,4 | | | 1,4 | 0,7 | 1,0 | 2,8 | BC,CC |
| 13 | Bọ xít đen | 4,0 | | | 4,0 | 4,0 | 4,0 | | TD |
| 14 | Ruồi đục trái | 8,6 | | | 8,6 | 4,4 | 11,5 | 18,5 | BC,CC |
| 15 | Ốc bươu vàng | 80,0 | | | 80,0 | 216,8 | 208,6 | 86,2 | TD,HM,Q12 |
| 16 | Ốc sên | 1,2 | | | 1,2 | 0,7 | 0,6 | 2 | Q12,BC,HM,TD |
| 17 | Trnhũn/tr.cái | 11,0 | | | 11,0 | 7,7 | 5,7 | 12,1 | HM,Q12,BC,TD |
| 18 | Rỉ trắng/RM | 18,9 | | | 18,9 | 14,3 | 33,8 | 32,64 | TD,HM,Q12,BC,BT,CC |
| 19 | Đóm lá | 7,3 | | | 7,3 | 6,5 | 8,3 | 10,7 | HM,Q12,BC,TD |
| 20 | Phấn vàng/dưa leo, khổ qua | 1,4 | | | 1,4 | 0,5 | 2,5 | 1,6 | HM,TD |
| 21 | Vàng lá | 30,0 | | | 30,0 | 13,0 | 7,8 | 42,2 | TD,HM,CC,Q12 |
| | Tổng | 532,4 | | | 532,4 | 455,5 | 626,4 | 767,5 | |

CHI CỤC TRÔNG TRỘT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG
(Kèm theo Báo cáo số: **57H/BC-CCTTBVTV**, ngày **10** tháng **6** năm 2024 của Chi cục TTBVTV)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiệm (ha) | | Tổng DTN (ha) | Số sánh DTN (+/-) | | DT phòng trừ (ha) | Phân bố | |
|------------|---------------------|----------------------|------|---------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|--------------------------|
| | | Nhẹ-Tb | Nặng | | Mt | Kỳ trước | | | CKNT |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| I | Hoa lan | 14,06 | | | 14,06 | 13,32 | 12,85 | 13,0 | |
| 1 | Muối hại bông | 4,20 | | | 4,20 | 4,04 | 5,18 | 4,1 | TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT,CG,Q7 |
| 2 | Nhện đỏ | 0,30 | | | 0,30 | 0,30 | 0,30 | 0,3 | BC |
| 3 | Rệp vảy | 0,14 | | | 0,14 | 0,14 | 0,12 | 0,1 | CC,BC |
| 4 | Bọ trĩ | 0,80 | | | 0,80 | 0,80 | 0,58 | 0,7 | CC,BC |
| 5 | Ốc sên | 0,30 | | | 0,30 | 0,20 | 0,20 | 0,3 | TĐ,CG |
| 6 | Đóm lá | 3,74 | | | 3,74 | 3,41 | 2,67 | 3,5 | TĐ, HM,Q12,CC,CG,Q7 |
| 7 | Khô đầu lá | 1,65 | | | 1,65 | 1,65 | 1,65 | 1,7 | TĐ,CG,Q7 |
| 8 | Thối nhũn | 1,28 | | | 1,28 | 1,26 | 0,83 | 1,1 | CC,BC,CG,Q7 |
| 9 | Đóm đen | 0,45 | | | 0,45 | 0,42 | 0,42 | 0,3 | CC |
| 10 | Vàng lá | 0,70 | | | 0,70 | 0,70 | 0,70 | 0,7 | BC |
| 11 | Bọ cánh cứng | 0,20 | | | 0,20 | 0,20 | 0,10 | 0,2 | BC |
| 12 | Rêu xanh | 0,30 | | | 0,30 | 0,20 | 0,10 | - | TĐ |
| II | Hoa mai | 15,8 | | | 15,8 | 14,70 | 14,50 | 15,8 | |
| 1 | Nhện đỏ | 1,43 | | | 1,43 | 1,53 | 1,93 | 1,4 | TĐ,HM,Q12,CG |
| 2 | Sâu ăn lá | 6,50 | | | 6,50 | 4,87 | 4,47 | 6,5 | TĐ,HM,Q12,CC,BC,CG |
| 3 | Bọ trĩ | 3,64 | | | 3,64 | 3,45 | 3,20 | 3,6 | TĐ,HM,Q12,CC,CG,BC |
| 4 | Sâu đục thân | 0,01 | | | 0,01 | 0,01 | 0,02 | 0,0 | HM |
| 5 | Rệp vảy | 0,08 | | | 0,08 | 0,09 | - | 0,1 | HM,Q12 |
| 6 | Rây xanh | 2,20 | | | 2,20 | 1,80 | 1,00 | 2,2 | BC |
| 7 | Cháy lá | - | | | - | - | 1,33 | - | - |
| 8 | Mốc cam | 0,35 | | | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,4 | CG |
| 9 | Nấm hồng | 1,60 | | | 1,60 | 1,60 | 1,20 | 1,6 | BC,BT |
| 10 | Rong rêu | - | | | - | 1,00 | 1,00 | - | TĐ |
| III | Cây hoa khác | 0,69 | | | 0,69 | 0,69 | 0,69 | 0,67 | TĐ,CC,BC,BT,CG |
| | Tổng cộng | 30,56 | | | 30,56 | 28,71 | 28,04 | 29,48 | |

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

